

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG Ở TỈNH BẮC GIANG

NGÔ MINH TUẤN*

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.331.2023.595>

1. Điều kiện tự nhiên của tỉnh Bắc Giang

Bắc Giang cách Thủ đô Hà Nội 50 km về phía Bắc, cách cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị 110 km về phía Nam, cách cảng Hải Phòng hơn 100 km về phía Đông; phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn; phía Tây và Tây Bắc giáp Thủ đô Hà Nội, Thái Nguyên; phía Nam và Đông Nam giáp tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Quảng Ninh. Mặt khác, tỉnh nằm trong vùng quy hoạch của Thủ đô Hà Nội, trên tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng, tiếp giáp với nhiều tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, do đó, có nhiều lợi thế trong việc liên kết vùng, kết nối giao thương, là tiền đề thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp (PTCN) nói chung và PTCN bền vững nói riêng.

Bắc Giang có 63 mỏ với 15 loại khoáng sản khác nhau, gồm: khoáng sản nhiên liệu (than); khoáng sản kim loại (quặng sắt, đồng, chì, kẽm, vàng và thủy ngân); khoáng chất công nghiệp (barit, kaolin, than bùn, feldspat); khoáng sản vật liệu xây dựng¹. Đặc biệt, mỏ than Đồng Rì có trữ lượng lớn (107,3 triệu tấn), có khả năng phục vụ PTCN quy mô lớn. Ngoài ra, tỉnh Bắc Giang có 3 con sông lớn chảy qua (sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam), với tổng chiều dài 347 km, lưu lượng lớn và có nước quanh năm; có hệ thống ao, hồ, đầm, mạch nước ngầm... đủ khả năng cung cấp nước cho các ngành kinh

tế và sinh hoạt. Nhìn chung, tỉnh Bắc Giang có các điều kiện thuận lợi để PTCN nói chung và PTCN bền vững nói riêng.

2. Phát triển công nghiệp của tỉnh Bắc Giang hiện nay

Những năm qua, PTCN của tỉnh đã phát triển theo hướng bền vững chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu các ngành nghề, tạo sự bứt phá và đóng góp rất lớn cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Công nghiệp là một trong 3 trụ cột chính của nền kinh tế, quy mô giá trị và tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế không ngừng được tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2015 - 2020 đạt bình quân 22,5%/năm, trong đó giai đoạn 2016 - 2019 đạt 24,8%/năm; tổng giá trị gia tăng năm 2022 đạt 53.160 tỷ đồng, gấp 8,6 lần năm 2012, chiếm 48,8% trong cơ cấu kinh tế. Ngành Công nghiệp hiện đã thu hút khoảng 247 nghìn lao động, năng suất lao động không ngừng được nâng cao, đóng góp tích cực vào chuyển dịch cơ cấu lao động, thu ngân sách và mục tiêu giảm nghèo².

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm bình quân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020 đạt 14%/năm, thuộc nhóm các tỉnh có tốc độ tăng trưởng dẫn đầu cả nước. Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2020 ước đạt gần 123 nghìn tỷ đồng, đứng thứ 16/63 tỉnh, thành phố trong cả nước³.

* ThS, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Trong giai đoạn 2010 - 2020, công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng chi phối, tác động lan tỏa đến các ngành khác phát triển (các ngành cung cấp nguyên vật liệu đầu vào, vật liệu xây dựng...) và hình thành các vùng chuyên canh, vùng cây nguyên liệu, xây dựng được mô hình liên kết sản xuất nông - công nghiệp... góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển với tốc độ cao và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

Vì vậy, trong 10 năm tới, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn là ngành chiếm tỷ trọng chủ yếu. Trong đó, công nghiệp cơ khí (máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, sản xuất chi tiết máy, ô tô và phụ tùng cơ khí, thép chế tạo, khuôn mẫu); công nghiệp điện - điện tử (linh kiện điện tử, điện thoại, máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị điện, đồ gia dụng, thiết bị điện tử y tế), dự kiến đến năm 2030 chiếm tỷ trọng khoảng 60,12%; chế biến nông, lâm sản (bảo quản, chế biến sau thu hoạch quả, rau; sản phẩm chế biến rau, quả, gỗ bảo đảm tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thực phẩm, hướng đến xuất khẩu), công nghiệp may mặc (may mặc thời trang, linh kiện ngành may mặc, dệt nhuộm) và công nghiệp khác như sản xuất thức ăn chăn nuôi, dược phẩm sẽ là những ngành sản xuất công nghiệp chủ yếu của tỉnh. Bên cạnh đó, tốc độ đô thị hóa tăng nhanh nên các ngành cung cấp nước, sản xuất và phân phối điện, khí đốt, công nghiệp xử lý môi trường, vật liệu xây dựng... cũng đã có tốc độ phát triển cao.

(1) Về tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Tỉnh Bắc Giang có tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2017 - 2021 khá ấn tượng, ở mức 13% - 16%/năm, riêng năm 2021 sụt giảm xuống mức 7,82% do tác động của đại dịch Covid-19. Quy mô GRDP tỉnh Bắc Giang theo giá hiện hành có sự gia tăng theo từng năm, số liệu các năm 2017, 2019 và

2021 lần lượt là 75.988,5 tỷ đồng, 104.499 tỷ đồng và 129.836,7 tỷ đồng⁴.

(2) Chất lượng lao động.

Lực lượng lao động là yếu tố sản xuất đặc biệt, có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế. Năm 2021, tỉnh Bắc Giang có dân số là 1.875,2 nghìn người. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2021 là 960.160 người, giảm so với mức 974.334 người của năm 2020. Trong giai đoạn 2017 - 2021, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có sự gia tăng đáng kể, từ 17,95% năm 2017 lên 20,14% năm 2019 và đạt 26,7% năm 2021⁵.

(3) Về tiến bộ khoa học - công nghệ (KHCN).

Thời gian qua, Bắc Giang đã gắn kết chặt chẽ, đồng hành cùng các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động KHCN trong các lĩnh vực; phát triển các sản phẩm của địa phương theo chuỗi giá trị, chú trọng tính liên ngành, liên vùng. Đồng thời, tăng cường liên kết giữa tổ chức KHCN với doanh nghiệp; liên kết nghiên cứu, ứng dụng với một số trường đại học, cao đẳng trên địa bàn để thúc đẩy việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực tại địa phương.

Giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã triển khai 6 dự án thuộc chương trình sở hữu trí tuệ, với tổng kinh phí trên 5 tỷ đồng. Cùng với đó, tỉnh đã triển khai thực hiện 74 đề tài, dự án KHCN cấp tỉnh và cấp quốc gia với tổng kinh phí trên 222 tỷ đồng. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KHCN đã đóng góp tích cực cho phát triển ngành công nghiệp của tỉnh.

(4) Về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Tỉnh đã được quy hoạch và đầu tư phát triển khá đồng bộ, hiện đại. Mạng lưới giao thông phát triển đa dạng với cả 3 loại hình

vận tải là đường bộ, đường sắt và đường sông; có khả năng kết nối, liên kết giữa các vùng trong tỉnh và với các trung tâm kinh tế lớn. Hạ tầng công nghiệp, đô thị, dịch vụ cũng đang được tập trung đầu tư phát triển mạnh, đặc biệt là dịch vụ logistics đã phát huy lợi thế của trung tâm đầu mối về thương mại vận tải kho bãi của vùng Thủ đô và vùng trung du và miền núi phía Bắc.

3. Một số giải pháp phát triển trong thời gian tới

Thực hiện Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó đặt mục tiêu phát triển đến năm 2030, Bắc Giang trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô GRDP đứng trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước và đứng đầu vùng trung du và miền núi phía Bắc. Mục tiêu phát triển đến năm 2030, phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện và bền vững. Công nghiệp là động lực chủ yếu cho tăng trưởng gắn với phát triển không gian mới, đưa Bắc Giang trở thành một trong những trung tâm PTCN của vùng; dịch vụ phát triển đa dạng, có bước đột phá; nông nghiệp phát triển ổn định, theo hướng an toàn, chất lượng và hiệu quả. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đô thị được đầu tư đồng bộ, hiện đại. KCN, kinh tế tri thức được phát huy, trở thành nhân tố chủ yếu đóng góp cho tăng trưởng; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội được phát triển toàn diện và thuộc nhóm tiên tiến của cả nước; đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của Nhân dân được nâng lên; mở rộng hợp tác, hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới; xây dựng thể trận quốc phòng, an ninh vững chắc.

Thứ nhất, về tăng trưởng kinh tế, Bắc Giang phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt khoảng 15 - 16%, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 17 - 18%/năm; dịch vụ tăng 10 - 11%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2 - 3%/năm. Cơ cấu kinh tế, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 66 - 67% (công nghiệp chiếm 60%); ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 6 - 7%; ngành dịch vụ chiếm 24 - 25% và thuế sản phẩm 2 - 3%. GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt khoảng 9.800 USD⁶.

Thứ hai, về không gian và kết cấu hạ tầng, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 55 - 60%; xây dựng, mở rộng thành phố Bắc Giang theo hướng thông minh, đạt đô thị loại 1 là trung tâm kinh tế, chính trị, dịch vụ của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2050, Bắc Giang là tỉnh công nghiệp hiện đại, phát triển toàn diện, bền vững. PTCN xanh, công nghiệp sinh thái, tổ chức sản xuất với các khu, cụm công nghiệp tập trung, chuyên nghiệp; dịch vụ đa dạng, hiện đại, tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế.

Định hướng không gian quy hoạch khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp. Với định hướng thu hút đầu tư thời gian tới tập trung chủ yếu vào các KCN, một phần vào cụm công nghiệp. KCN phân bố chủ yếu nằm trong vùng động lực kinh tế của tỉnh, có điều kiện về không gian, thuận lợi cho việc kết nối các hạ tầng, nhất là các hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, nước; đồng thời là những khu vực thuận lợi cho việc thu hút lao động làm việc tại các KCN. Phát triển KCN gắn với đô thị, dịch để hình thành KCN gắn với phát triển các khu đô thị dịch vụ (diện tích khu đô thị dịch vụ khoảng 10% diện tích KCN). Các cụm công nghiệp phân bố tại các địa phương có điều kiện khó khăn hơn, theo hướng cơ bản địa bàn nào cũng có cụm công nghiệp.

Với việc xác định vùng động lực phát triển kinh tế của tỉnh, bao gồm các địa phương có điều kiện về không gian, thuận lợi cho việc kết nối các hạ tầng, nhất là các hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, nước...; đồng thời là những khu vực thuận lợi cho việc thu hút lao động làm việc tại các KCN để PTCN, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở điều kiện cụ thể của từng khu vực quy hoạch thành lập các KCN, bố trí quỹ đất để phát triển các khu đô thị - dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của người lao động, khắc phục tình trạng thiếu hạ tầng xã hội quanh các KCN giai đoạn trước.

Thứ ba, chú trọng đầu tư phát triển KHCN, phát huy vai trò của KHCN thực sự trở thành động lực quan trọng nhất để PTCN bền vững của tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2025, tỉnh quan tâm đầu tư kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hoạt động KHCN bảo đảm mức tăng chi đạt 1,5% tổng chi ngân sách. Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp đồng bộ trong lĩnh vực KHCN, tập trung vào các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, nghiên cứu - ứng dụng KHCN, xây dựng thương hiệu... Với việc xác định KHCN có vai trò động lực trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội... sẽ là đòn bẩy thúc đẩy PTCN bền vững của tỉnh.

4. Kết luận

Trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, ngành công nghiệp chiếm vị trí quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế và tăng thu nhập bình quân trên đầu người của tỉnh. Tuy nhiên, PTCN đi kèm với nó luôn là những thách thức về ô nhiễm

môi trường, cạn kiệt tài nguyên, biến đổi khí hậu và những tác động tiêu cực đến xã hội... Để tiếp tục khai thác tối đa lợi thế và khắc phục những khó khăn, thách thức, trong thời gian tới, tỉnh Bắc Giang cần đẩy mạnh PTCN bền vững, gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm; hạn chế sự chênh lệch giữa các vùng, miền và cản trở sự phát triển của các ngành khác thì ngành công nghiệp cần dựa trên cơ sở khai thác và mở rộng các ngành sử dụng ít tài nguyên, dựa vào công nghệ hiện đại gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường sinh thái; góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa □

Chú thích:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. *Phương án phát triển công nghiệp của tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, tháng 10/2020.

2, 3, 4, 5, 6. Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang. *Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Giang năm 2021*. H. NXB Thống kê, 2022.

Tài liệu tham khảo:

1. *Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

2. *Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050*.

4. Tỉnh ủy Bắc Giang. *Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 09/10/2018 về chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035*.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2021, Kỳ họp thứ 12 Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016 - 2021, ngày 08/12/2020*.